

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KGVX
V/v cung cấp số liệu Bộ chỉ số chỉ đạo
điều hành trên Hệ thống thông tin
báo cáo tỉnh Đồng Tháp

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Ngân hàng nhà nước tỉnh khu vực 13;
- Thuế tỉnh;
- Thống kê tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là *Quyết định số 3396/QĐ-UBND*);

Để bảo đảm việc cung cấp số liệu theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Tháp phục vụ công tác tổng hợp, thống kê, báo cáo, phân tích và dự báo trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh được đầy đủ, chính xác, kịp thời, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 31/12/2025.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phân công, bố trí nhân sự phụ trách quản trị Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Tháp, rà soát các chỉ số, biểu mẫu thuộc lĩnh vực quản lý theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành theo Quyết định số 3396/QĐ-UBND, tại địa chỉ: <https://baocao.dongthap.gov.vn>; Thời hạn hoàn thành **trước ngày 07/3/2026**.

c) Chỉ đạo, theo dõi, giám sát và chịu trách nhiệm việc thực hiện cung cấp số liệu các chỉ số theo Phụ lục bộ chỉ số chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử, đảm bảo đúng kỳ hạn:

- Kỳ báo cáo tuần: chậm nhất chiều thứ 5 hằng tuần.
- Báo cáo tháng: trước ngày 25 hằng tháng.

- Báo cáo quý: trước ngày 15 tháng đầu quý sau.
- Báo cáo 6 tháng: trước ngày 23 của tháng 6.
- Báo cáo 9 tháng: trước ngày 05/9 hằng năm.
- Báo cáo năm: trước ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp.

Đầu mỗi cung cấp số liệu và thời gian lấy số liệu (*theo Phụ lục đính kèm*). Thời gian chính thức cung cấp số liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Tháp **bắt đầu từ ngày 30/3/2026**.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan đảm bảo hạ tầng hoạt động ổn định; cung cấp đầy đủ các chức năng, tính năng của hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Tháp; phân công, bố trí nhân sự kỹ thuật hỗ trợ hệ thống trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Hỗ trợ tạo lập tài khoản người dùng, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện cung cấp số liệu các chỉ số trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Tháp.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kết nối các chỉ tiêu theo Quyết định số 3396/QĐ-UBND với hệ thống IOC và ứng dụng DongThapG, bảo đảm hiển thị đầy đủ các chỉ tiêu, số liệu dưới dạng trực quan, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi, giám sát.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX (vttoan).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục
THÔNG TIN ĐẦU MỐI VÀ THỜI GIAN CUNG CẤP SỐ LIỆU
CÁC CHỈ SỐ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ
(Kèm theo Công văn số /UBND-KGVX ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mối phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh				
	Chỉ số tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Mục XII Nhóm A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3396/QĐ-UBND	Nguyễn Hoàng Ân	Tháng; 6 tháng; năm	- Tháng (ngày 21 tháng liền trước đến hết ngày 20 tháng báo cáo) - 06 tháng (06 của tháng 12 năm liền trước đến hết ngày 05 tháng 6 của năm báo cáo) - Năm (06 của tháng 12 năm liền trước đến hết ngày 05 tháng 12 của năm báo cáo)	
	Chỉ số tại khoản 7 Mục XII Nhóm A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3396/QĐ-UBND	Đỗ Khắc Huy	Tháng	Từ ngày 01 đến hết ngày 30 của tháng báo cáo và lũy kế từ ngày 01 tháng 01 của năm báo cáo đến hết ngày 30 của tháng báo cáo	
2	Sở Nội vụ				

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mối phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
	Biểu thống kê số người lao động việt nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tháng; quý; năm	Theo quy định của đơn vị	
	Biểu thống kê cấp giấy phép cho lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tháng; quý; năm	Theo quy định của đơn vị	
	Biểu thống kê lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tháng; quý; năm	Theo quy định của đơn vị	
	Biểu thống kê giải quyết việc làm	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tháng; quý; năm	Theo quy định của đơn vị	
	Biểu thống kê tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động nông nghiệp	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tháng; quý; năm	Theo quy định của đơn vị	
	Biểu thống kê tỷ lệ lao động qua đào tạo	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tháng; quý; năm	Theo quy định của đơn vị	
	Biểu mẫu: 01.BCHC (Báo cáo số lượng biên chế công chức)	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tháng	Theo quy định của đơn vị	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mối phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
	Biểu mẫu: 02.SLNLV (Báo cáo số lượng người làm việc)	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tháng	Theo quy định của đơn vị	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
	<i>Biểu mẫu báo cáo (lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch)</i>	Phạm Thị Tuyết Mai	Tháng	tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo				
	Biểu mẫu báo cáo (lĩnh vực giáo dục – đào tạo)	Trần Thị Tuyết Vân	Tháng 7; tháng 11	Tính đến thời điểm báo cáo theo từng kỳ (tháng 7 và 11); Số liệu được tổng hợp từ các cơ sở giáo dục trực thuộc và đơn vị liên quan.	
5	Sở Công Thương				
	Điện năng (Sản lượng điện thương phẩm)	Nguyễn Quốc Cường	Tháng	từ ngày 01 đến ngày 31 hằng tháng	
	Báo cáo về ngành công nghiệp	Nguyễn Thị Hoàng Kim	Tháng	tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mối phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
	Thương mại điện tử (tốc độ tăng trưởng)	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Năm	từ ngày 01/01 đến ngày 14 tháng 12	
	Mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nguyễn Thị Kim Sang	Tháng	từ ngày 01 đến 31 hằng tháng	
	Số lượng cửa hàng xăng dầu đang hoạt động; Sản lượng tiêu thụ	Võ Hoàng Sang; Hoàng Thị Thu	Tháng	Từ ngày 01 đến 30 hằng tháng	
	Chỉ số công nghiệp	Lê Thị Thoa	Tháng	từ ngày 01 đến 31 hằng tháng	
6	Sở Y tế				
	Số liệu về vụ ngộ độc thực phẩm	Lưu Thị Minh Lý	Tháng	Ngày 01 đến ngày cuối tháng của kỳ báo cáo	
	Dịch bệnh nhóm A, B theo Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm (số người nhiễm, số người tử vong,...)	Vũ Thị Thanh Xuân	Tháng	Ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng trước tháng báo cáo	
	Biểu tổng hợp đối tượng được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Biểu kết quả thực hiện trợ giúp xã hội	Trịnh Nhật Huy	Tháng; quý; năm	Theo quy định của đơn vị	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mỗi phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
	thường xuyên; Biểu thực hiện trợ giúp xã hội đột xuất				
	Số Bác sĩ trên vạn dân	Lê Thị Kim Quyên	Năm	Từ ngày 01/12 năm trước đến 30/11 năm sau	
7	Sở Tài chính				
	Mẫu số 01	Phạm Thị Trúc Khanh	Quý	Từ ngày 01 của tháng đầu của quý trước quý báo cáo đến ngày 08 của tháng đầu trong quý báo cáo	
	Mẫu số 02	Phạm Thị Trúc Khanh	Năm	Từ ngày 01 tháng 4 năm trước năm báo cáo đến ngày 28 tháng 3 của năm báo cáo	
	Số liệu về doanh nghiệp	Huỳnh Thanh Thoảng	Tháng	Từ ngày 01 đến ngày 31 của tháng	
	Số liệu về hợp tác xã	Hồ Văn Sơn	Tháng	từ ngày 01 đến ngày 31 của tháng	
	Mẫu số B2-01/BC-NS/TABMIS; Mẫu số B3-01/BC-NS/TABMIS kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày	Thân Thị Diệu Thẩm	Tháng	Số liệu phát sinh từ thời điểm chốt số liệu của kỳ báo cáo trước đến thời điểm chốt số liệu của kỳ báo cáo hiện tại	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mối phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
	28/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước				
	Mẫu số 03	Thân Thị Diệu Thắm	Tuần	Các xã, phường báo cáo số liệu lũy kế đến hết ngày thứ Sáu của tuần trước liền kề tuần báo cáo	
8	Sở Xây dựng				
	Báo cáo tiến độ các dự án tháng/ quý/ năm	Võ Thị Thuý An	Tháng; Quý; Năm	+ Báo cáo tháng: từ ngày 01 đến ngày 20 của tháng + Báo cáo quý: * quý 1: cung cấp số liệu từ ngày 01/01 đến ngày 20/3; * quý 2: cung cấp số liệu từ ngày 21/3 đến ngày 20/6; * quý 3: cung cấp số liệu từ ngày 21/6 đến ngày 20/9; * quý 4: cung cấp số liệu từ ngày 21/09 đến ngày 20/12;	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mỗi phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
				+ Báo cáo năm cung cấp số liệu từ ngày 01/01 đến 20/12 năm báo cáo	
	Biểu mẫu số 22 theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP	Phạm Nguyễn Phương Thúy	Quý; năm	Đến hết ngày cuối cùng của kỳ báo cáo	
	Các thông tin dữ liệu về công trình giao thông vận tải (điểm có nguy cơ sạt lở, lở, bao gồm tọa độ, chiều dài, phương án xử lý...)	Phạm Khắc Thuần	Tháng	Từ ngày 01 đến ngày 25 của tháng	
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường				
	Ước kết quả sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp	Hứa Quang Hải	Năm	Tính từ 15/12 của năm trước đến ngày 14/12 của năm báo cáo (trừ các chỉ tiêu cây hằng năm có ghi thời điểm tính sẽ tính từ thời điểm đó đến ngày 30/9 của năm báo cáo)	
	Ước kết quả sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp	Nguyễn Thị Kim Dung	9 tháng; quý; 6 tháng	- 9 tháng: Từ ngày 15/12 của năm trước ước đến ngày 14/9 của kỳ báo cáo;	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mối phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
				- Quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo ước đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo - 6 tháng: từ ngày 15/12 của năm trước ước đến đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo	
	Ước kết quả sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp	Nguyễn Thị Tuyết Khương	Tháng, Tuần	- Tháng: Từ ngày 15 của tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo - Tuần: tính từ sáng thứ 6 tuần trước đến chiều thứ 5 tuần báo cáo	
10	Thanh tra tỉnh				
	Các biểu mẫu 01/TCD, 02/XLD, 03/GQKN, 04/GQTC, 05/KQTH, 06/QLKNTC, 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-TTCT ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chế	Lê Hữu Phúc; Lê Quốc An	Tháng	Ngày 15 của tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo; thời hạn gửi báo cáo về Thanh tra tỉnh chậm nhất ngày 15 của tháng báo cáo	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mối phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
	độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực				
11	Ban quản lý Khu kinh tế				
	Tình hình sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Nguyễn Trần Xuân Huyền	Tháng	Tháng trước tháng báo cáo	
	Công tác bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Lê Trọng Hữu	Tháng	Tháng trước tháng báo cáo	
	Các dự án đầu tư tư nhân trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Nguyễn Phú Hiền	Tháng	Tháng trước tháng báo cáo	
12	Bảo hiểm xã hội tỉnh				
	Số liệu về BHXH, BHYT, BHTN	Trần Trung Hiếu	Tháng; quý; năm	- Hằng tháng: từ ngày 01 đến ngày 31 hằng tháng; - Hằng quý: từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày 31 tháng cuối quý;	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mỗi phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
				- Hằng năm: từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	
13	Công an tỉnh				
	Số liệu thuộc lĩnh vực quản lý của Công an tỉnh	Lê Thanh Toàn	Tháng	Theo quy định của đơn vị	
14	Ngân hàng nhà nước tỉnh khu vực 13				
	Số liệu thuộc lĩnh vực quản lý của Ngân hàng nhà nước	Trần Thị Hoàng Diệu	Tháng	Cung cấp số liệu tại ngày cuối cùng của tháng trước	
15	Thuế tỉnh				
	Báo cáo số thu nhanh	Nguyễn Khải Huyền	Tháng	Từ ngày 01 đến ngày cuối tháng	
16	Thông kê tỉnh				
	Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la mỹ	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Tháng	Điều tra 3 kỳ: + Kỳ 1: Từ ngày 01 đến 08 hằng tháng + Kỳ 2: Từ ngày 9 đến 16 hằng tháng + Kỳ 3: Từ ngày 17 đến 24 hằng tháng	

Stt	Tên biểu mẫu	Đầu mối phụ trách	Tần suất báo cáo	Thời gian lấy số liệu	Ghi chú
	- Biểu doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. - Biểu doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải. - Biểu Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Tháng	Từ ngày 5 đến ngày 15 hằng tháng	
	Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hằng năm	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Quý, năm	Số liệu điều tra, thống kê	